UBND TỈNH BÌNH THUẬN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 18 tháng 4 năm 2019

KẾT QUẢ ĐIỂM KIỂM TRA LẦN 2
Lớp Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, chương trình chuyên viên - Khóa 27 (Năm 2018) dành cho huyện Hàm Tân
Ngày kiểm tra: 29/3/2019

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
01	01	Lê Thị Thùy	An	29/7/1987	Bình Thuận	65	6.0	Sáu	
02	02	Nguyễn Thị Dung	Anh	10/11/1987	Bình Thuận	23	6.5	Sáu rưỡi	
03	03	Điểu Quốc	Anh	01/01/1982	Bình Thuận	64	6.5	Sáu rưỡi	
04	04	Mai Văn	Bảo	19/12/1982	Quảng Nam	24	7.5	Bảy rưỡi	
05	05	Lương Kim	Bảo	30/5/1983	Bình Thuận	67	6.5	Sáu rưỡi	
06	06	Lý Quang	Cần	09/9/1979	Quảng Ngãi	26	6.0	Sáu	
07	07	Võ Minh	Cảnh	20/02/1966	Quảng Nam	32	6.0	Sáu	
08	08	Nguyễn Thị Kim	Chung	21/7/1987	Hà Tĩnh	27	6.5	Sáu rưỡi	
	09	Phạm Văn	Cư	01/3/1969	Bình Định				*không đủ điều kiện*
09	10	Nguyễn Văn	Cung	02/02/1972	Bình Thuận	1	6.0	Sáu	
10	11	Đoàn Thị Mỹ	Diễm	22/6/1986	Bình Định	39	7.5	Bảy rưỡi	
11	12	Lê Đình	Duẩn	07/6/1984	Thanh Hóa	2	6.5	Sáu rưỡi	
12	13	Trương Thị	Dung	28/01/1983	Bình Thuận	15	7.5	Bảy rưỡi	
13	14	Lê Thị Thùy	Dung	22/8/1988	Bình Thuận	47	7.0	Bảy	
14	15	Đỗ Đức	Duy	06/5/1987	Bình Thuận	66	6.0	Sáu	
15	16	Huỳnh Ngọc	Duy	02/02/1984	Quảng Ngãi	4	6.0	Sáu	
16	17	Đinh Tấn	Duy	01/6/1979	Bình Thuận	50	6.5	Sáu rưỡi	
17	18	Lê Thị Mỹ	Duyên	02/12/1990	Bình Định	56	7.0	Bảy	
18	19	Lê Tiến	Đạt	02/01/1983	Ninh Thuận	20	7.0	Bảy	
19	20	Đậu Huy	Đôn	12/02/1988	Nghệ An	69	6.0	Sáu	
20	21	Lê	Đức	02/4/1970	Quảng Ngãi	14	7.0	Bảy	
21	22	Hoàng Thị Tuyết	Hà	16/7/1974	Quảng Trị	74	7.5	Bảy rưỡi	
	23	Phạm Thị	Hải	15/01/1966	Quảng Ngãi				*thôi học*
22	24	Nguyễn Văn	Hanh	11/4/1983	Thanh Hóa	11	7.0	Bảy	
23	25	Nguyễn Thị Hoàng	Hạnh	05/11/1984	Bình Thuận	49	7.0	Bảy	
24	26	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	20/6/1977	Bình Thuận	72	6.5	Sáu rưỡi	
25	27	Dương Bá	Hậu	20/7/1988	Bình Thuận	3	6.5	Sáu rưỡi	
26	28	Trần Thị Thanh	Hiền	20/4/1986	Bình Thuận	19	7.0	Bảy	
27	29	Lê Thị	Hiếu	13/9/1986	Bình Thuận	60	7.0	Bảy	
28	30	Nguyễn Văn	Hòa	23/5/1980	Bình Thuận	38	6.5	Sáu rưỡi	
29	31	Nguyễn Đình	Hoan	02/02/1970	Thái Bình	17	6.0	Sáu	

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
30	32	Thiều Thị	Hồng	05/3/1986	Thanh Hóa	61	7.0	Bảy	
31	33	Đỗ Văn	Hùng	14/7/1970	Quảng Trị	25	6.0	Sáu	
32	34	Nguyễn Tấn	Hùng	20/11/1969	Quảng Ngãi	73	6.0	Sáu	
33	35	Đỗ Thanh	Hùng	12/4/1984	Bình Thuận	40	6.0	Sáu	
34	36	Phạm Thị	Hương	18/10/1978	Tuyên Quang	54	6.5	Sáu rưỡi	
35	37	Vũ Ngọc	Huy	15/4/1984	Bình Thuận	36	6.0	Sáu	
36	38	Lê Thị	Huyền	04/11/1987	Thanh Hóa	13	6.5	Sáu rưỡi	
37	39	Nguyễn Di	Kha	24/11/1981	Bình Thuận	37	6.0	Sáu	
38	40	Nguyễn Thành	Khương	14/8/1986	Bình Thuận	52	6.5	Sáu rưỡi	
39	41	Nguyễn Thị Như	Liễu	29/8/1982	Bình Thuận	12	7.0	Bảy	
40	42	Lý Tùng	Linh	14/02/1979	Bình Thuận	43	7.0	Bảy	
41	43	Lê Thị Mỹ	Linh	10/12/1985	Bình Thuận	18	6.0	Sáu	
42	44	Trần Thị	Loan	21/6/1986	Hà Nội	63	6.5	Sáu rưỡi	
43	45	Hồ Thanh	Lương	10/8/1978	Bình Thuận	42	7.0	Bảy	
44	46	Nguyễn Văn	Minh	11/12/1975	Bình Thuận	45	6.5	Sáu rưỡi	
45	47	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13/8/1982	Bình Thuận	58	7.0	Bảy	
46	48	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	20/11/1982	Bình Thuận	59	7.0	Bảy	
47	49	Trần Nguyễn Xuân	Nhi	20/9/1985	Bình Thuận	29	6.5	Sáu rưỡi	
	50	Trần Thị Kiều	Phương	12/11/1981	Bình Thuận				*không đủ điều kiện*
48	51	Đào Thị	Phượng	28/10/1982	Nam Định	46	6.5	Sáu rưỡi	
49	52	Lương Thị	Sáng	01/4/1973	Bình Thuận	31	6.5	Sáu rưỡi	
50	53	Đỗ Tấn	Sĩ	26/6/1980	Bình Định	41	7.5	Bảy rưỡi	
51	54	Phan Công	Soái	19/6/1984	Quảng Trị	57	7.5	Bảy rưỡi	
52	55	Võ Xuân	Sơn	20/4/1979	Quảng Ngãi	55	6.5	Sáu rưỡi	
53	56	Trần Thị Lam	Sương	06/11/1984	Quảng Nam	53	7.0	Bảy	
54	57	Nguyễn Thị Đoan	Tâm	07/4/1983	Bình Thuận	51	6.5	Sáu rưỡi	
55	58	Hồ Thị Minh	Tâm	03/8/1983	Bình Thuận	71	7.0	Bảy	
56	59	Ngô Thị Minh	Tâm	15/5/1984	Bình Thuận	28	7.0	Bảy	
57	60	Đoàn Tấn	Thạch	16/7/1968	Quảng Ngãi	24	6.0	Sáu	
58	61	Hoàng Kim	Thái	12/12/1983	Bình Thuận	62	7.0	Bảy	
59	62	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/5/1984	Bình Thuận	48	7.0	Bảy	
60	63	Nguyễn Đình	Thiều	02/12/1981	Bình Thuận	30	7.5	Bảy rưỡi	
	64	Nguyễn	Thu	24/4/2960	Quảng Trị				*thôi học*
61	65	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	04/7/1982	Bình Thuận	44	6.5	Sáu rưỡi	
	66	Giáp Thị	Thùy	10/3/1983	Bắc Giang				*không đủ điều kiện*
62	67	Trần Thị Thu	Thủy	28/5/1985	Bình Thuận	6	6.5	Sáu rưỡi	
63	68	Nguyễn Minh	Tiến	12/8/1977	Hải Dương	8	6.5	Sáu rưỡi	
64	69	Hoàng Thị Kim	Trâm	01/7/1990	Nghệ An	10	6.5	Sáu rưỡi	
65	70	Hồ Vy	Trang	16/6/1982	Bình Thuận	70	6.0	Sáu	
66	71	Nguyễn Văn	Trị	20/5/1974	Nghệ An	9	7.0	Bảy	

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
67	72	Nông Ngọc	Tuất	13/8/1988	Cao Bằng	33	7.0	Bảy	
68	73	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	10/3/1986	Bình Thuận	22	7.5	Bảy rưỡi	
69	74	Nguyễn	Ty	06/6/1982	Bình Thuận	34	6.0	Sáu	
70	75	Quách Thị Thu	Uyên	25/4/1980	Bình Thuận	68	7.0	Bảy	
71	76	Phạm Thị	Vân	01/7/1983	Thanh Hóa	16	8.5	Tám rưỡi	
72	77	Văn Quý	Việt	10/10/1990	Quảng Nam	35	6.5	Sáu rưỡi	
73	78	Mai Trường	Vũ	02/02/1978	Quảng Nam	7	6.5	Sáu rưỡi	
74	79	Lê Thị Hoàng	Yến	22/10/1984	Bình Thuận	5	6.5	Sáu rưỡi	

Tổng số bài: 74 bài

Trong đó:

* Điểm 8.5: 01 bài
* Điểm 7.5: 08 bài
* Điểm 7.0: 22 bài
* Điểm 6.5: 26 bài
* Điểm 6.0: 17 bài

Tỷ lệ:

Giỏi: 01 bài (Tỉ lệ: 1.35 %)

Khá: 30 bài (Tỉ lệ: 40.54 %)

TB: 43 bài (Tỉ lệ: 58.11 %)

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Lê Hữu Tài

TRƯỞNG KHOA NN VÀ PL

ThS. Nguyễn Duy Hà

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

Ký bởi: Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận
Email: tct@binhthuan.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận
Thời gian ký: 26.04.2019 17:24:43

Ký bởi: Nguyễn Thị Như Yến
Email: yenntn@tct.binhthuan.gov.vn
Cơ quan: Trường Chính trị, Tỉnh Bình Thuận
Thời gian ký: 26.04.2019

ThS. Nguyễn Thị Như Yến